

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HC-PT

Ngày: 06/8/2025.

*V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 193/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 214/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông **Hoàng Văn H**;

- Ông **Phạm Văn H1**;

- Ông **Lê Ngọc T1**;

Cùng địa chỉ: **thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn T, xã E, tỉnh tỉnh Đắk Lắk)**. Ông **H**, ông **H1**, ông **T1** đều vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông **Hoàng Văn H**, ông **Phạm Văn H1**, ông **Lê Ngọc T1**: ông **Phan Xuân H2** - sinh năm 1990 (văn bản ủy quyền ngày 29/7/2024).*

Địa chỉ: số L khu T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là số L khu T, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Ông H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: ông Trương Văn H3; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã E. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo, kháng nghị: người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (nay là Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2024 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện trình bày:

1. Ông Hoàng Văn H: ngày 18/9/2023, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 5637/QĐ-UBND thu hồi của ông 1.400,6m² đất, trong đó có 324,5m² đất ở, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để thực hiện dự án: đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M qua địa bàn xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Phạm Văn H1 trình bày: ngày 18/9/2023, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 5637/QĐ-UBND thu hồi của ông 8.076,6m² đất, trong đó có 200m² đất ở, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để thực hiện dự án: đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M qua địa bàn xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Lê Ngọc T1 trình bày: ngày 18/9/2023, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 5637/QĐ-UBND thu hồi của ông 1.003,2m² đất, trong đó có 340m² đất ở tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để thực hiện dự án: đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M qua địa bàn xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại thời điểm gia đình các ông bị thu hồi đất, tại xã E, huyện K, còn nhiều thửa đất tái định cư chưa được giao cho ai, diện tích mỗi thửa đất tái định cư từ 133,15m² đến 159,78m². Gia đình các ông làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K giao đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện K không xem xét giải quyết.

Căn cứ các điểm c, d khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì gia đình ông H và gia đình ông T1 đủ điều kiện được giao 02 thửa đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất, còn gia đình ông H1 đủ điều kiện được giao 01 thửa đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất. Bởi lẽ, các điểm c, d khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND quy định:

c, Trường hợp diện tích còn lại sau khi thu hồi, lớn hơn hạn mức tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (không phải di dời chỗ ở) thì diện tích thu hồi được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất, nếu diện tích thu hồi lớn hơn 50% diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư, thì

được giao đất ở tại nơi tái định cư. Căn cứ vào diện tích đất thu hồi và diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư, để giao số thửa đất tương ứng với diện tích thu hồi.

d, Trường hợp có chênh lệch giữa diện tích thu hồi với thửa đất tái định cư, nhân với diện tích 01 thửa đất tái định cư, thì thực hiện theo nguyên tắc diện tích còn lại lớn hơn 50% diện tích một thửa thì tính thêm một thửa, nhỏ hơn hoặc bằng 50% diện tích 01 thửa, thì không được tính thêm.

Vì vậy, các ông **Hoàng Văn H**, **Phạm Văn H1**, **Lê Ngọc T1** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc **Ủy ban nhân dân huyện K** ban hành quyết định giao cho gia đình ông **Hoàng Văn H** và gia đình ông **Lê Ngọc T1** - mỗi gia đình 02 thửa đất tái định cư; giao cho gia đình ông **Phạm Văn H1** 01 thửa đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất, theo giá đất được quy định tại Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện K**.

** Người bị kiện **Ủy ban nhân dân huyện K** trình bày:*

Về nội dung quyết định thu hồi đất và diện tích đất bị thu hồi của các hộ gia đình: ông **Hoàng Văn H**, ông **Phạm Văn H1**, ông **Lê Ngọc T1** để thực hiện dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - **Buôn Ma T2** đi qua địa bàn **xã E - huyện K** đúng như người khởi kiện đã trình bày.

Quá trình thu hồi đất để thực hiện dự án, các hộ dân có đất thu hồi không đăng ký nhu cầu sử dụng đất ở tái định cư nên **Ủy ban nhân dân huyện K** không ban hành quyết định xây dựng khu tái định cư, mà sử dụng quỹ đất thuộc 20 thửa đất tại cụm dân cư **xã E** xây dựng khu tái định cư để bố trí cho các hộ dân có nhu cầu và đủ điều kiện được giao đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất, không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất nhưng đến nay chỉ có 14 hộ dân đăng ký sử dụng đất tái định cư. Trong phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của **Ủy ban nhân dân huyện K** không giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho các hộ dân, là căn cứ vào Báo cáo của **Ủy ban nhân dân xã E** là các hộ dân không đăng ký sử dụng đất tái định cư nên **Ủy ban nhân dân huyện K** không phê duyệt phương án tái định cư là đúng. Việc ông **Hoàng Văn H**, ông **Phạm Văn H1** và ông **Lê Ngọc T1** khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 14/3/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng Hành chính; điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ**; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Văn H**, ông **Phạm Văn H1**, ông **Lê Ngọc T1**.

1. Tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân huyện K không giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình: ông Hoàng Văn H, ông Phạm Văn H1, ông Lê Ngọc T1 là trái pháp luật.

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện K phải ban hành Quyết định giao cho hộ gia đình ông Hoàng Văn H số thửa đất ở tại nơi tái định cư tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi 324,5m²; hộ gia đình ông Phạm Văn H1 số thửa đất ở tại nơi tái định cư tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi 200m²; hộ gia đình ông Lê Ngọc T1 số thửa đất ở tại nơi tái định cư tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi 340m² theo quy định của pháp luật. Theo giá đất được quy định tại Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện K ban hành).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2025, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K (nay là Ủy ban nhân dân xã E) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-VKS-HC ngày 10/4/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (nay là Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng) đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (nay là Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng) xét xử theo hướng: sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 14/3/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, ông Phạm Văn H1 và ông Lê Ngọc T1.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm nêu trên và cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Bản án hành chính sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, ông Phạm Văn H1 và ông Lê Ngọc T1; tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân huyện K không giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông H, ông H1, ông T1 là trái pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân huyện K phải ban hành Quyết định giao cho hộ ông H1, ông H, ông T1 số thửa đất ở tại nơi tái định cư tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi, theo giá đất được quy định tại Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K (nay là Ủy ban nhân dân xã E) và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1, ông H, ông T1, sửa quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 14/3/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Phan Xuân H2** và người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện **Ủy ban nhân dân huyện K** (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là **Ủy ban nhân dân xã E**) là ông **Trương Văn H3** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính tiến hành xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người bị kiện **Ủy ban nhân dân huyện K** (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là **Ủy ban nhân dân xã E**) và kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử thấy: thực hiện dự án **đường C - Buôn Ma T2** đi qua địa bàn **xã E, huyện K**, ngày 18/9/2023, **Ủy ban nhân dân huyện K** ban hành Quyết định số 5637/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 121 hộ gia đình, trong đó: gia đình ông **Hoàng Văn H** bị thu hồi 1.973m² đất thuộc 04 thửa đất (gồm có 342,5m² đất ở), gia đình ông **Lê Ngọc T1** bị thu hồi 1.003,2m² đất thuộc 01 thửa đất (gồm có 340m² đất ở), gia đình ông **Phạm Văn H1** bị thu hồi 8.076,8m² đất thuộc 02 thửa đất (gồm có 200m² đất ở). Ông **H**, ông **H1**, ông **T1** căn cứ các điểm c, d khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ** để yêu cầu giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **H**, ông **H1**, ông **T1**; tuyên bố hành vi của **Ủy ban nhân dân huyện K** không giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình ông **H**, ông **H1**, ông **T1** là trái pháp luật và buộc **Ủy ban nhân dân huyện K** phải giao đất ở cho các hộ ông **H1**, ông **H**, ông **T1** tại nơi tái định cư tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi, là không có cơ sở. Bởi lẽ:

[2.1] Sau khi bị thu hồi đất, hộ gia đình ông **H** còn lại 257,9m² đất ở gắn liền với 2.241m² đất trồng cây lâu năm, hộ gia đình ông **H1** còn lại 320m² đất ở gắn liền với 5.434,4m² đất trồng cây lâu năm, hộ gia đình ông **T1** còn lại 60m² đất ở gắn liền với 2.282,4m² đất trồng cây lâu năm trên địa bàn **xã E**. Hiện các hộ dân đã nhận đủ tiền bồi thường, đã bàn giao mặt bằng, tôn tạo, sửa chữa lại nhà ở và sinh sống ổn định trên phần diện tích đất ở còn lại. Như vậy, hộ ông **H**, ông **H1**, ông **T1** vẫn còn diện tích đất ở trên địa bàn xã, đủ hạn mức tách thửa theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 (được thay thế bởi Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024) của **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ**.

[2.2] **Ủy ban nhân dân huyện K** lập phương án bồi thường, hỗ trợ bằng tiền cho tất cả các hộ dân có đất ở bị thu hồi trong dự án thành phần 3 cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M** giai đoạn 1, được công khai cho các hộ dân trước khi phê duyệt nhưng hộ ông **H**, ông **H1** và ông **T1** không có ý kiến yêu cầu bồi thường bằng đất. Do trên địa bàn **huyện K** chỉ có 14 trường hợp bị thu hồi nhà ở, đất ở phải di chuyển chỗ ở nên **Ủy ban nhân dân huyện K** báo cáo **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ**.

Tại công văn số 4690/UBND-NNMT ngày 06/6/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đồng ý chủ trương không thành lập phương án xây dựng khu tái định cư, mà bố trí 20 thửa đất tái định cư trong quỹ đất bố trí tái định cư thuộc dự án Hạ tầng Khu dân cư trung tâm xã E, huyện K cho các hộ đủ điều kiện giao đất tái định cư (bị thu hồi hết đất ở, không còn nhà ở, đất ở trên địa bàn). Mặt khác, việc bồi thường bằng đất ở phụ thuộc vào điều kiện quỹ đất ở của địa phương. Ủy ban nhân dân huyện K xác định không có điều kiện về quỹ đất ở tái định cư nên phê duyệt phương án bồi thường bằng tiền cho hộ ông H, ông T1, ông H1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 75, điểm b khoản 1 Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013. Án sơ thẩm nhận định: “Quá trình thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên Ủy ban nhân dân huyện K đã xây dựng khu tái định cư tại khu dân cư xã E, huyện K với 62 thửa đất tái định cư diện tích mỗi thửa đất tái định cư từ 133,15m² đến 159m²” để từ đó xác định Ủy ban nhân dân huyện K có đủ điều kiện về quỹ đất ở làm căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, ông H1, ông T1 là không đúng quy định của pháp luật và không phù hợp với tình hình địa phương.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu toàn bộ khởi kiện của ông H, ông H1, ông T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã E) và chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-VKS-HC ngày 10/4/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (nay là Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng), sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện K không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông T1 và ông H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Riêng ông H1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông H1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã E) và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-VKS-HC ngày 10/4/2025 của Viện trưởng

Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (nay là Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng); sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 2 Điều 74, điểm b khoản 1 Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 34, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hoàng Văn H**, ông **Phạm Văn H1**, ông **Lê Ngọc T1** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân huyện K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã E) không giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình: ông **Hoàng Văn H**, ông **Phạm Văn H1**, ông **Lê Ngọc T1** là trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã E) phải ban hành Quyết định giao cho hộ gia đình ông **Hoàng Văn H** số thửa đất ở tại nơi tái định cư tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi 324,5m²; hộ gia đình ông **Phạm Văn H1** số thửa đất ở tại nơi tái định cư tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi 200m²; hộ gia đình ông **Lê Ngọc T1** số thửa đất ở tại nơi tái định cư tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi 340m² theo quy định của pháp luật. Theo giá đất được quy định tại Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện K ban hành).

2. Về án phí:

- Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông **Phạm Văn H1**.

- Ủy ban nhân dân huyện K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã E) không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện K số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000088 ngày 16/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk) do ông **Đặng Minh Đ** nộp thay.

- Ông **Hoàng Văn H** và ông **Lê Ngọc T1** - mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014107, 0014108 cùng ngày 15/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk) do ông **Phan Xuân H2** nộp thay.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên